

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:32/2025/HSST

Ngày:21-3-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Công Minh

Ông Đỗ Thanh Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bế Thị Huệ-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Duy Ngọc Thái và ông Ngô Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Tăng Thi H, sinh năm 1986; tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: Khóm C, Phường B, Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng K và bà Tăng Thị S; Bị cáo có vợ Lý Thị Kim O, có 01 con sinh năm 2012; Nhân thân: Năm 2015, bị Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 31/7/2016, bị cáo đã được xóa án tích. Năm 2019, bị Toà án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2020, đã được xóa án tích. Ngày 30/9/2024, bị Toà án nhân dân Thành phố N, tỉnh Hậu Giang tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành hình phạt chính của bản án này. Tiền án: 01, năm 2013 bị Toà án nhân dân Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 14/5/2013, bị cáo chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí và bồi thường dân sự. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/9/2024, tạm giam từ ngày 16/9/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo H: Bà Trương Thị Thảo P– Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

2/ Họ và tên: Võ Thị Phương T1 (Tên gọi khác M), sinh năm 1980; tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn H1 (chết) và bà Dương Ngọc Á; Chồng Lý Đạt S1, sinh năm 1977 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; Nhân thân: Ngày 29/8/2008, bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội đánh bạc theo Bản án số 111/2008/HSST. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/9/2024, tạm giam từ ngày 16/9/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1: **Bà Dương Ngọc Á**, sinh năm 1952 – Mẹ ruột (có mặt).

Cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bào chữa cho bị cáo T1: Bà Dương Thị C– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

- Bị hại:

1/ **Lê Đăng N**, sinh năm 1993 (xin vắng);

2/ **Đỗ Thị Kim L**, sinh năm 1993 (xin vắng);

3/ **Lê Thị Tố T2**, sinh năm 2003 (xin vắng);

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ **Huỳnh Văn K1**, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ **Ngô Văn T3**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn Bá Đ**, sinh năm 1997 (xin vắng);

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ **Đỗ Trung N1**, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi cư trú: A, Tổ C, khu phố H, Phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 13/9/2024, Tăng Thi H rủ Võ Thị Phương T1 đi tìm tài sản để trộm, T1 đồng ý. H điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave S, gắn biển số 53A4-3625 chở T1 đi từ nhà trọ của ông Phan Văn T4, sinh năm 1974, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đi trên Quốc lộ A hướng từ xã T đến khu vực ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, H dừng xe lại. Hào một mình đi bộ vào hẻm Đ, đến nhà ông Ngô Văn T3 thấy nhà không có hàng rào, ông T3 để xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream màu nâu, biển số 63C1-030.70 (xe có giỏ màu đen và gắn бага bằng kim loại màu trắng dùng chở đồ) có gắn sẵn chìa khóa nên H lấy trộm xe này dẫn ra ngoài, nổ máy chạy đi. Khi chạy đi được một đoạn khoảng 200m thì xe hết xăng. H dùng điện thoại hiệu Samsung điện cho T1 chạy lại đón. Khoảng 05 phút sau T1 điều khiển xe Wave S, gắn biển số 53A4-3625 chạy lại đón H. H kêu T1 lên xe vừa trộm được để H chạy xe Wave S dùng chân đẩy chạy về hướng Quốc lộ A. Đi được khoảng 0,5km thì bị Công an tuần tra phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 99/KL-HĐĐG ngày 14/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tô tụng hình sự huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream màu nâu, gắn biển số 63C-030.70, số khung: C100M-8047316, số máy: C100ME-8047316, xe có giỏ màu đen và gắn бага bằng kim loại màu trắng dùng chở đồ có giá trị là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream màu nâu, biển số 63C-030.70, số khung: C100M-8047316, số máy: C100ME-8047316, xe có giỏ màu đen và gắn бага bằng kim loại màu trắng dùng chở đồ. Ngày 27/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý vật chứng trả lại ông T3 xong.

- 01 (một) cái kèm màu đỏ-đen, đây là kèm Tăng Thi H mang theo bên trong người làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số IMEI1: 353503961635067/01, số IMEI2: 354811671695069/01, gắn sim số thuê bao 0967056873, đây là điện thoại H sử dụng liên lạc T1 để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số sơ-ri 1:357721109256180, số sơ-ri 2:357748100256182, đây là điện thoại T1 sử dụng liên lạc H để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu Redmi, màu đen, số IMEI1: 869909056713201/78, số IMEI2: 869909056713219/78 và 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu OPPO, số IMEI1: 862211067494856, số IMEI2: 862211067494849, đây là tài sản cá nhân của H không liên quan đến việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Ngô Văn T3 đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra vụ án, xác định từ tháng 08/2023 đến tháng 5/2024 Tăng Thi H và Võ Thị Phương T1 còn thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 30/8/2023, Tăng Thi H rủ Võ Thị Phương T1 đi tìm tài sản để trộm, T1 đồng ý. H điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream (không nhớ rõ biển số) chở T1 đi từ nhà trọ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gần nhà nghỉ H2) đi trên Quốc lộ A về hướng M, được khoảng 500m, rẽ phải vào đường hẻm, H phát hiện nhà anh Lê Đăng N không có khóa cửa cổng nên H dừng xe kêu T1 đứng ở ngoài canh giới cho H đi vào bên trong nhà lấy trộm tài sản. H đi vào trong nhà, thấy cửa trước khóa trong nên ra phía sau nhà, phát hiện cửa sau chỉ khóa chốt nên H lấy cái kiềm mang theo sẵn để tạo khoảng trống trên tấm thiết cửa sau rồi dùng tay thò vào bên trong mở chốt cửa. Hào vào bên trong căn nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro và 01 sạc dự phòng của anh N, số tiền 3.000.000 đồng để trong cái bóp da màu hồng của chị Đỗ Thị Kim L (vợ anh N), H lấy xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SH mode màu xám, biển số 63B5-633.74 của chị Lê Thị Tố T2 (chị vợ anh N) dẫn ra ngoài. H kêu T1 ngồi lên xe 63B5-633.74, để H chạy xe Dream đẩy đi theo tuyến Quốc lộ A lên Thành phố Hồ Chí Minh bán. Khi đi tới vòng xoay Thành phố T, tỉnh Long An thì H và T1 dừng lại, H kiểm tra xe trộm được thấy có chìa khóa ở bên hộc trước của xe, H mở cốp xe thấy bên trong có: giấy đăng ký xe 63B5-633.74, giấy phép lái xe, căn cước công dân. H lấy giấy đăng ký xe 63B5-633.74, còn các giấy tờ khác thì H vứt bỏ trên đường rồi cùng T1 điều khiển xe ra lên Thành phố Hồ Chí Minh, H bán điện thoại trộm được số tiền 800.000 đồng (không xác định được cửa hàng). Sau đó cả hai đem xe 63B5-633.74 và giấy chứng nhận đăng ký xe 63B5-633.74 đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ Giang Đông P1, tại: Đường T ấp A, huyện T, tỉnh Đồng Nai của anh Nguyễn Bá Đ cầm được 50.000.000 đồng, T1 đưa tiền cho H tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 163/KL-HĐĐG ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro. Do tài sản không thu hồi được, bị hại trình bày không nhớ thời gian mua, giá lúc mua và không có hóa đơn chứng từ. Hội đồng định giá không có căn cứ xác định giá trị tài sản;

- 01 (một) sạc dự phòng màu đen. Do tài sản có giá trị nhỏ, không thu hồi được, bị hại không nhớ đặc điểm, giá trị lúc mua và không có hóa đơn, chứng từ. Hội đồng định giá không có căn cứ xác định giá trị tài sản;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng SH mode màu xám, biển số 63B5-633.74. Theo lời trình bày của bị hại mua xe vào tháng 4/2023 với giá là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tài sản không thu hồi được. Vận dụng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ T5, Hội đồng định giá thống nhất tỷ lệ sử dụng còn lại của xe là 96%, có giá trị là 67.200.000 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 180/KL-HĐĐG ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Honda, loại SH mode, màu xám-đen, biển số 63B5-633.74 đã thu hồi được, có giá trị là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Vật chứng, tài liệu được tạm giữ, xử lý:

- 01 (một) hợp đồng cầm xe 63B5-633.74 ghi ngày 02/9/2023 người cầm Võ Thị Phương T1, kèm hồ sơ vụ án.

- 01 (một) căn cước công dân số 082180022182 tên Võ Thị Phương T1 (bảng photocopy), kèm hồ sơ vụ án.

- 01 (một) ảnh Võ Thị Phương T1 đi cầm đồ, có chữ ký xác nhận của T1, kèm hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng SH mode màu xám, số khung: RLHJK0118PZ603841, số máy JK01E050795, 01 (một) giấy đăng ký xe 63B5-633.74 và biển số: 63B5-633.74 đây là xe H và T1 trộm cắp của chị T2 rồi đem cầm cho cửa hàng anh Đ. Anh Đ bán xe này lại cho anh Đỗ Trung N1 và giữ biển số, giấy đăng ký xe để làm thủ tục sang tên. Sau đó, anh Đ giao nộp biển số, giấy đăng ký xe và anh N1 đã giao nộp xe. Ngày 26/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý vật chứng trả lại chị T2 xong.

Các giấy tờ bên trong xe 63B5-633.74 gồm: giấy phép lái xe, căn cước công dân H khai vớt bỏ đã vớt bỏ trên đường, không nhớ địa điểm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang không có cơ sở để thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Lê Thị Tô T2, anh Lê Đăng N, chị Đỗ Thị Kim L không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Bá Đ yêu cầu bị cáo H và bị cáo T1 liên đới bồi thường số tiền 50.000.000 đồng tiền cầm xe 63B5-633.74. Hiện tại bị cáo H và bị cáo T1 chưa bồi thường.

2. Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 11/5/2024, Tăng Thi H rủ Võ Thị Phương T1 đi tìm tài sản để trộm, T1 đồng ý. H điều khiển xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream (không nhớ rõ biển số) chở T1 đi từ nhà trọ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gần nhà nghỉ H2) đi trên Quốc lộ A hướng cầu M. Khi chạy đến nhà ông Huỳnh Văn K1, H dừng xe kêu T1 đứng ở ngoài cánh giới để H đi vào bên trong nhà tìm tài sản lấy trộm. H vào nhà ông K1 lấy trộm xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave S màu đen, biển số 63X6-3069. H điều khiển xe vừa trộm được chạy trước, T1 điều khiển xe Dream chạy theo đi về nhà trọ. T1 sử dụng xe trên làm phương tiện đi lại và trộm cắp tài sản.

Quá trình điều tra, Tăng Thi H không thừa nhận cùng đi trộm với T1. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận của T1 và đoạn Video thu giữ được T1 xác nhận người trong đoạn Video chính là H. Do đó, có căn cứ quy kết H cùng T1 thực hiện trộm cắp xe 63X6-3069.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 128/KL-HĐĐG ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave S màu đen, số khung: RLHHC12008Y539177, số máy: HC12E-0084338 có giá trị là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Vật chứng được giữ, xử lý:

- 01 (một) đĩa DVD chứa đoạn video trích xuất từ camera an ninh của tại nhà ông Nguyễn Văn K2 ghi lại diễn biến Tăng Thi H vào nhà trộm cắp tài sản vào 11/5/2024 (Kèm hồ sơ vụ án).

- 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave S màu đen, số khung: RLHHC12008Y539177, số máy: HC12E-0084338, xe có 02 kính chiếu hậu, gắn biển số 53PA-3625.

Tại bản kết luận giám định số 1257/KL-KTHS (Đ2) ngày 27/9/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận: Biển số 53PA-3625 là biển số giả, T1 khai không biết ai gắn vào xe.

Ngày 27/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C trả xe 63X6-3069 cho ông K2.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn K2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, đối với biển số 63X6-3069 ông K2 đã làm lại nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản kết luận số 491/2024/KLGD ngày 18/11/2024 của Trung tâm P2, kết luận đối với Võ Thị Phương T1:

a) Kết luận theo tiêu chuẩn y học:

- Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Biến đổi nhân cách kéo dài sau bệnh tâm thần (F62.1 - ICD10).

- Nguyên nhân hình thành bệnh là do trong tiền sử có thời gian mắc bệnh tâm thần điều trị không khỏi hẳn, dẫn đến các biến đổi về nhận thức, cảm xúc, nhân cách, hành vi, sau thời gian các triệu chứng không mất đi mà còn tồn tại.

b) Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do biến đổi nhân cách mức độ vừa.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSCT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Tăng Thi H, Võ Thị Phương T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tăng Thi H, Võ Thị Phương T1 (Tên gọi khác M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Tăng Thi H: từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự thì đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Võ Thị Phương T1: từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (một) biển số 53PA-3625 là biển số giả liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị tịch thu tiêu hủy.

01 (một) cái kèm màu đỏ-đen đây là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số IMEI1: 353503961635067/01, số IMEI2: 354811671695069/01, gắn sim số thuê bao 0967056873, đây là điện thoại H sử dụng liên lạc T1 để thực hiện hành vi phạm tội. Và, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số sơ-ri 1:357721109256180, số sơ-ri 2:357748100256182, đây là điện thoại T1 sử dụng liên lạc H để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu Redmi, màu đen, số IMEI1: 869909056713201/78, số IMEI2: 869909056713219/78 và 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu OPPO, số IMEI1: 862211067494856, số IMEI2: 862211067494849, đây là tài sản cá nhân của H không liên quan đến việc phạm tội. Đề nghị trả lại cho bị cáo H.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo H, T1 liên đới bồi thường cho anh Đ số tiền là 50.000.000 đồng.

Bà Trương Thị Thảo P– Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T bào chữa cho bị cáo H: Thống nhất với cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và thống nhất với mức án mà Kiểm sát viên đề nghị, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông ngoại và bà nội được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo H tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, không bào chữa bổ sung, bị cáo thừa nhận có tham gia trong vụ trộm Wave S màu đen, biển số 63X6-3069, trước đây bị cáo không khai là do bị cáo không nhớ, sau khi nghe bị cáo T1 trình bày bị cáo thừa nhận bị cáo có trộm Wave S màu đen, biển số 63X6-3069.

Luật sư Dương Thị C- bào chữa cho bị cáo T1: Thống nhất với cáo trạng đã truy tố bị cáo T1 về tội “Trộm cắp tài sản” và thống nhất với mức án mà Kiểm sát viên đề nghị, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T1 hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị hạn chế năng lực và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T1 trình bày: Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, không bào chữa bổ sung. Bà Á đại diện hợp pháp của bị cáo T1 trình bày: Thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, không bào chữa bổ sung.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bá Đ về hành vi phạm tội của bị cáo: có đơn xin vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu bị cáo Võ Thị Phương T1 và bị cáo Tăng Thị H trả cho anh số tiền 50.000.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực. Về hình phạt: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo xác định: Vào các ngày 30/8/2023, 11/5/2024, 13/9/2024, trên địa bàn ấp C, xã T; ấp H, xã N; ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Tăng Thi H, Võ Thị Phương T1 đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh Lê Đăng N, ông Huỳnh Văn K1 và ông Ngô Văn T3 lấy trộm tài sản của: anh Lê Đăng N, chị Đỗ Thị Kim L, chị Lê Thị Tố T2, ông Huỳnh Văn K1 và ông Ngô Văn T3 gồm: 01 điện thoại di động hiệu S3 J7 Pro, 01 sạc dự phòng, số tiền 3.000.000 đồng, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SH mode màu xám, biển số 63B5-633.74, 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave S màu đen, biển số 63X6-3069, 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream màu nâu, biển số 63C1-030.70 tổng giá trị 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng đem bán lấy tiền tiêu xài. Trong vụ án này, Tăng Thi H giữ vai trò là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện tội phạm, Võ Thị Phương T1 giúp sức tích cực cho H thực hiện tội phạm.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo T1 tuy bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi này không chỉ gây thiệt hại về mặt vật chất và tinh thần đối với người bị hại mà còn làm mất an ninh trật tự, gây hoang mang cho người dân sinh sống tại địa phương, bản thân lại có nhân thân xấu, bị cáo H giữ vai trò chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực nên bị cáo H có mức hình phạt cao hơn và mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H có ông ngoại và bà nội được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản

2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị hạn chế năng lực và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu, anh Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo H phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm theo điểm g, điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 phạm tội trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có cân nhắc khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đ yêu cầu buộc bị cáo H và bị cáo T1 phải liên đới bồi thường số tiền 50.000.000đồng cho anh Đ, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo H và bị cáo T1 tự nguyện đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý như sau:

01 (một) biển số 53PA-3625 là biển số giả liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) cái kèm màu đỏ-đen đây là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số IMEI1: 353503961635067/01, số IMEI2: 354811671695069/01, gắn sim số thuê bao 0967056873. Và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số sơ-ri 1:357721109256180, số sơ-ri 2:357748100256182, đây là điện thoại liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu Redmi, màu đen, số IMEI1: 869909056713201/78, số IMEI2: 869909056713219/78 và 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu OPPO, số IMEI1: 862211067494856, số IMEI2: 862211067494849, đây là tài sản cá nhân của bị cáo H không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo H.

[6] Về án phí: Bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo H do bị cáo H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét lời bào chữa của bà Trương Thị Thảo P– Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T bào chữa cho bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Xét lời bào chữa của Luật sư Dương Thị C- bào chữa cho bị cáo T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Tăng Thi H, Võ Thị Phương T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 32; Đ38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tăng Thi H 04 (B) năm** tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án số 34/2024/HSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Tăng Thi H chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06 (S2) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 14/9/2024.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Phương T1 02 (Hai) năm 06 tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 14/9/2024.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Tăng Thi H và Võ Thị Phương T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bị hại Nguyễn Bá Đ số tiền 50.000.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 (một) biên số 53PA-3625.

+ 01 (một) cái kèm màu đỏ-đen.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số IMEI1: 353503961635067/01, số IMEI2: 354811671695069/01, bên trong điện thoại có gắn sim thuê bao số 0967056873.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số sê-ri 1:357721109256180, số sê-ri 2:357748100256182.

- Trả bị cáo H:

+ 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu Redmi, màu đen, số IMEI1: 869909056713201/78, số IMEI2: 869909056713219/78

+ 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng hiệu OPPO, số IMEI1: 862211067494856, số IMEI2: 862211067494849.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang)

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thị Phương T1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Tăng Thi H.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cơ quan điều tra huyện C, tỉnh TG;
- Trại tạm giam công an tỉnh TG;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Chi cục Thi hành án dân sự h.C;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h.C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hồng Quyên